TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 66/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung* ", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:

1. Anh Lương Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lương Văn H và chị Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 18/3/2021 (Giấy CNKH số 14/2021). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh H và chị D trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thường xuyên phát sinh những bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, hiện tại không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay anh H và chị D xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh H và chị D thống nhất khai nhận vợ chồng có có 01 con chung, tên là Lương Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 29/10/2021.

Nay ly hôn anh Lương Văn H và chị Nguyễn Thị D thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lương Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 29/10/2021 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh H và chị D thỏa thuận anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** anh H và chị D thống nhất khai không có nên không đề cập.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm**: anh H và chị D phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 07/10/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn H và chị Nguyễn Thị D (Giấy CNKH số 14/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam ngày 18/3/2021, nay là xã P, thành phố Đà Nẵng).

1.2. Về con chung: Sau ly hôn chị Nguyễn Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 29/10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: anh H và chị D thống nhất khai không có nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị D và anh Lương Văn H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh H và chị D đã nộp theo biên lai thu số 0002988 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng